

Số: 26/KH-THCSTT

Đông Đa, ngày 15 tháng 6 năm 2025

NỘI DUNG CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Công khai chung

1.1. Thông tin chung về nhà trường

1.1.1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường THCS Thái Thịnh**

1.1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của nhà trường:

- Địa chỉ: 131A phố Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội.

- Địa chỉ thư điện tử: c2thaithinh-dd@hanoiedu.vn

- Trang thông tin điện tử của nhà trường: thcsthaithinh.edu.vn

1.1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* *Sứ mạng:*

Trường THCS Thái Thịnh tiếp tục phấn đấu là một điểm đến đáng tin cậy của các bậc phụ huynh học sinh, cũng như nhân dân trên địa quận Đống Đa; cố gắng phấn đấu xây dựng các tiêu chí theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

* *Tầm nhìn:*

Tạo dựng môi trường giáo dục với nền tảng: Kỷ cương nghiêm - Chất lượng thực - Hiệu quả cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Sẽ luôn là một trong những ngôi trường có chất lượng dạy và học tốt trong quận – Nơi mà giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

* *Mục tiêu:* Xây dựng ngôi trường có nhiều hoạt động hướng tới sự phát triển toàn diện của người học.

1.1.4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Năm 1974, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định thành lập trường cấp I + II Thái Thịnh ở địa chỉ ngõ 2 phố Thái Thịnh, với 4 tầng và 28 phòng học. Ngày 05 tháng 9 năm 2001, trường THCS Thái Thịnh ra đời tọa lạc ở địa chỉ số 131A phố Thái Thịnh, với diện tích rộng 6.750 m². Tháng 10 năm 2007, trường được nâng cấp sửa chữa một số hạng mục công trình. Tháng 3 năm 2010, trường được công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2001-2010. Ngày 21 tháng 12 năm 2020, trường được công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2020-2025.

Sau hơn 50 năm thành lập, trường THCS Thái Thịnh đã không ngừng lớn mạnh. Năm học 2024-2025, trường THCS Thái Thịnh có quy mô 36 lớp với 1569 học sinh và 82 cán bộ, giáo viên, nhân viên; là một trong những trường học có quy mô học sinh cao nhất của quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.1.5. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập:

Quyết định số: 204/QĐ-TCCQ ngày 09/8/1988 của UBND quận Đống Đa

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường;

Quyết định số: 3661/QĐ- UBND của UBND quận Đống Đa bổ nhiệm Hiệu trưởng.

Quyết định số: 1792/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND quận Đống Đa bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.

Quyết định số: 4066/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của UBND quận Đống Đa bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Nhà trường hoạt động theo đúng quy định căn cứ thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

* Hiệu trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Cao Cường Điện thoại: 0904151650

Email: nguyencaocuong.hanoi@gmail.com

* Phó Hiệu trưởng

Họ và tên: Đinh Thị

Hương Điện thoại:

0904234515

Email: Huongdt1972@gmail.com

* Phó Hiệu trưởng

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Dung

Điện thoại:

0989375304

Email: phuongdung5983@gmail.com

1.2. Thu, chi tài chính

1. Tình hình thu chi tài chính năm 2024:

Ngân sách: Dự toán được giao: 12.416.155.000 Số đã sử dụng: 12.299.148.639. Dự toán còn lại: 117.006.361.

2. Các khoản thu và mức thu: Học phí: 155.000 đồng/học sinh/tháng. Nước uống: 15.000 đồng/học sinh/tháng. Tin nhắn thông báo: 30.000 đồng/học sinh/tháng. Quỹ đội: 18.000 đồng/học sinh/năm học. Bảo hiểm y tế: 884.520 đồng/học sinh/năm. Bảo hiểm thân thể: 100.000 đồng/học sinh/năm (nếu CMHS có nhu cầu).

3. Chính sách miễn giảm: Thực hiện miễn học phí theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Miễn học phí cho 06 học sinh thuộc diện con liệt sĩ, học sinh khuyết tật; Giảm học phí cho 01 học sinh thuộc diện hộ cận nghèo.

2. Công khai đối với nhà trường:

2.1. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động nhà trường

2.1.1 Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 62.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 56/58.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100%

2.1.2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, với tổng diện tích mặt bằng là 6734,19m². Nhà trường được thiết kế có 4 khu: khu nhà A, nhà B, khu nhà Hiệu bộ và khu nhà thể chất. Khuôn viên đảm bảo xanh - sạch - đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục: sân trường có 2 hàng bàng giữa sân trường cùng hệ thống các bồn hoa đảm bảo bóng mát, xanh tươi, được các lớp phân công chăm sóc hằng tuần và được bảo vệ tưới cây hằng ngày. Diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình khoảng 8494,97 m² gồm khối phòng hành chính quản trị khoảng 1656m²; khối phòng học tập khoảng 3336,06m², khối hỗ trợ học tập khoảng 410,73m², khối phụ trợ 1088,75m² và khu sân chơi thể dục thể thao khoảng 2003,43m², tính theo đầu học sinh đạt trên 5.41m²/1HS, đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học

tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học Cơ sở, Trung học Phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể: Phòng Hiệu trưởng được đặt ở tầng 3 khu Hiệu bộ, vị trí thuận tiện cho yêu cầu quản lý của nhà trường. Phòng khách được bố trí liền phòng Hiệu trưởng. Phòng Phó Hiệu trưởng gồm 02 phòng riêng biệt, đặt tại tầng 2 khu Hiệu bộ. Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có bàn làm việc được trang bị máy vi tính kết nối mạng Internet, máy in, tủ lưu trữ hồ sơ, bàn ghế tiếp khách ngăn nắp, gọn gàng. 100% máy tính khối hành chính - quản trị được kết nối Internet tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt công tác quản lý và thực hiện các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, phòng Hiệu trưởng, phòng thường trực bảo vệ còn được lắp màn hình tivi tổng hợp các mắt camera, giúp quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của giáo viên và học sinh toàn trường.

- Khối phòng học tập: Phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định được tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học Cơ sở, Trung học Phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông., bảo đảm điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập [H3-3.1-04]. 03 phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên có diện tích 84,24 m² và phòng chuẩn bị 28,08 m², có đầy đủ trang thiết bị và dụng cụ thí nghiệm đặc thù bộ môn. 01 phòng Công nghệ có diện tích 103,68 m² và phòng chuẩn bị 25,92 m² được trang bị đầy đủ dụng cụ, giá, thiết bị dạy học công nghệ; 01 phòng Khoa học xã hội diện tích 77,76 m², 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Âm nhạc trang thiết bị đầy đủ như bục nói, bảng tương tác thông minh, hệ thống giá vẽ, đàn Oocgan cho học sinh; 02 phòng Ngoại ngữ được trang bị 93 máy tính, phần mềm học ngoại ngữ; 02 phòng đa năng đều có diện tích 84,24 m²; 01 phòng Tin có tổng diện tích 77,76 m² được trang bị 47 máy đều. Các phòng học bộ môn Tiếng Anh, Tin học đều được kết nối hệ thống mạng Internet.. Tất cả các phòng bộ môn khác đều

được trang bị Tivi 75 inch, bàn ghế, điều hòa, bảng trượt... đảm bảo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học...

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Thư viện nhà trường đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. Nhà trường có 1 phòng Thư viện học sinh diện tích 129,6 m² có 60 vị trí đọc cho học sinh và 01 phòng thư viện giáo viên diện tích 93,21 m² với 30 vị trí đọc của giáo viên. Khu vực tra cứu, quản lý thư viện có diện tích 6,5 m². Thư viện bố trí khu vực kho sách, hệ thống máy tính kết nối mạng đáp ứng nhu cầu đọc, mượn sách, các hoạt động giới thiệu sách, tra cứu tài liệu của giáo viên và học sinh. Thư viện nhà trường được đạt các tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Khối phụ trợ: Nhà trường có khu vệ sinh riêng dành cho học sinh, bố trí khu nam, nữ tách biệt ở mỗi tầng nhà và mỗi dãy phòng học, bố trí nhân viên vệ sinh dọn dẹp giữa các tiết học, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Nhà trường có diện tích sân trường làm bãi tập sân thể dục thể thao rộng khoảng 3.067,1m², được lát gạch đảm bảo an toàn cho học sinh. đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Mặt sân bằng phẳng, lát đá, có 2 dãy bàng xanh mát ngăn cách sân trường với khối phòng học và làm việc. Khu vực nhà thể chất rộng 398 m², cao 12,76 m, có kết cấu mái kèo thép, xà gồ thép, sơn chống trượt, hệ thống ánh sáng đảm bảo yêu cầu cho các giờ học giáo dục thể chất và các hoạt động giáo dục khác diễn ra ngay cả trong những điều kiện thời tiết không thuận lợi.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường đã trang bị đầy đủ thiết bị dạy học cho các phòng học và phòng thực hành bộ môn có đủ thiết bị thực hành theo môn học, được GV và HS sử dụng hợp lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo quy định tại Điều 14, 15, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, có thiết bị dạy học hiện đại, hệ thống máy tính kết nối internet phục vụ có hiệu quả cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Cụ thể phòng KHTN được trang bị đầy đủ tủ đựng hóa chất, tủ hút, tủ sấy, tủ đựng tài liệu; bàn học sinh được thiết kế hợp lý cho học sinh vừa học và thực hành tại chỗ, có chậu rửa, vòi rửa, hệ thống cung cấp và thoát nước; giá đựng ống nghiệm, ống nghiệm và hoá chất; các mô hình theo đặc trưng bộ môn (mô hình cấu tạo cơ thể người, dụng cụ đo thân nhiệt, bộ thực hành băng bó chấn thương, kính hiển vi, ống nghiệm, các mẫu vật ngâm học môn, dụng cụ nghiên cứu quần xã và các thiết bị thực hành môn học lớp 8 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018...). Phòng bộ môn Công nghệ có bàn học sinh được thiết kế hợp lý cho

học sinh vừa học và thực hành, có một số thiết bị được gắn trên mặt bàn như: đồng hồ đo dòng điện, ổ điện, công tắc điện có kết nối điện, ampe kế, vôn kế; bộ đo huyết áp, lực kế, ròng rọc, băng kép, nam châm, biến trở con chạy, bộ dụng cụ đo khối lượng riêng, bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất chất lỏng, bộ dụng cụ thí nghiệm áp lực, bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất khí quyển, bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng làm quay của lực, bộ dụng cụ thí nghiệm dẫn điện, bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của dòng điện, bộ dụng cụ đo năng lượng nhiệt, bộ dụng cụ thí nghiệm nở vì nhiệt, hộp công nghệ 8, bộ khâu khâu, bộ dụng cụ cơ khí nhiệt, bộ dụng cụ cơ khí, bộ thiết bị cơ khí cỡ nhỏ, găng tay bảo hộ lao động, kính bảo hộ, bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật, dụng cụ thực hành cơ khí, dụng cụ bảo vệ an toàn điện... Phòng Mỹ thuật được trang bị đầy đủ bàn ghế, mẫu vẽ, hệ thống giá vẽ, tủ màu, màu vẽ, đất nặn,...Phòng Âm nhạc được trang bị bàn ghế phù hợp, hệ thống nhạc cụ, loa đài, tivi,...đáp ứng yêu cầu chương trình.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thư viện: Thư viện HS của nhà trường được bố trí tầng một gần khối phòng học, thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng của HS. Diện tích thư viện được xác định đối với 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường và bảo đảm định mức tối thiểu 0,60 m²/HS. Tổng diện tích thư viện 240 m² (gồm cả Thư viện GV và Thư viện HS, không tính diện tích không gian mở). Các khu chức năng của thư viện HS bố trí trong một phòng. Diện tích các khu chức năng của thư viện HS được quy định gồm:

+ Không gian đọc có một phòng đọc cho HS tối thiểu 45 chỗ, bảo đảm diện tích một chỗ ngồi trong phòng đọc không nhỏ hơn 2,4 m²/chỗ. Không gian mở được bố trí xung quanh hoặc bên ngoài thư viện, bảo đảm thoáng mát, tương đối yên tĩnh và cách xa các khu vực dễ gây ô nhiễm, an toàn, thuận lợi cho HS sử dụng thư viện;

+ Khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin bảo đảm đủ diện tích để chứa các tài nguyên thông tin, bố trí trong phòng đọc, bảo đảm việc quản lý, phù hợp với đặc thù của từng loại tài nguyên thông tin

+ Khu vực mượn trả và quản lý được bố trí chung với phòng đọc.

+ Các yêu cầu kỹ thuật bảo đảm quy định: Nền và sàn thư viện phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn xây dựng hiện hành. Nền và sàn phòng đọc bảo đảm dễ làm vệ sinh, sử dụng các vật liệu lát sàn không có kẽ hở, không bị mài mòn, không bị biến dạng, chống được ẩm, tránh được hiện tượng nồm ướt. Cửa ra vào và cửa sổ thư viện HS phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn xây dựng

hiện hành; Hệ thống chiếu sáng trong thư viện HS gồm chiếu sáng tự nhiên, chiếu sáng nhân tạo, chiếu sáng hỗn hợp. Hệ thống chiếu sáng tuân theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng. Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc và Tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về chiếu sáng hiện hành. Các cửa phòng vừa đáp ứng yêu cầu chiếu sáng tự nhiên, thông gió thoáng khí cho phòng, vừa che chắn được gió lạnh, mưa hắt, nắng chiếu xuyên phòng, đồng thời bảo đảm thuận tiện, an toàn trong sử dụng, dễ vệ sinh, làm sạch; Thư viện của HS được bố trí hệ thống thông gió tự nhiên và nhân tạo bảo đảm các hoạt động thư viện và bảo quản tài nguyên thông tin, có trang bị thêm máy điều hòa không khí cho thư viện; bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống thiên tai; tuân thủ quy định tại các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về an toàn cháy cho nhà và công trình.

Thư viện của giáo viên nằm tại tầng 4 có một phòng đọc tối thiểu 20 chỗ, bảo đảm diện tích một chỗ ngồi trong phòng đọc không nhỏ hơn 2,4 m²/chỗ. Diện tích các khu chức năng thư viện của GV đạt tiêu chuẩn quy định, tương tự thư viện của HS. Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, băng đĩa, sách giáo khoa và các ấn phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.2-10]. Tổng số sách hiện có là 12.587 bản sách. Chia thành sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách tham khảo. Số lượng và chất lượng đảm bảo theo đúng quy định (Tiêu chuẩn 1 Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003). 100% GV và HS có đủ sách giáo khoa và có lưu tại thư viện ít nhất 4 bộ/môn/khối. Sách nghiệp vụ đạt tỷ lệ trung bình 19 bản/GV. Sách tham khảo đạt tỷ lệ 4 bản/HS. Băng đĩa giáo khoa 200 chiếc. Đặt mua 20 loại báo, tạp chí. Trong đó có báo Nhân dân, Hà Nội mới, giáo dục thời đại, tạp chí giáo dục thủ đô, tạp chí giáo dục... Ngoài ra, trường còn có các loại báo, tạp chí khác phù hợp với lứa tuổi, bậc học THCS như: toán tuổi thơ 2 - dành cho THCS, toán học và tuổi trẻ, hóa học ứng dụng, hoa học trò... CSVN phòng thư viện được bố trí hợp lý, trang trí thân thiện, thu hút được CBGVNV, HS nhà trường đến tham quan và đọc sách.

- e) Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục: Ngày 21 tháng 12 năm 2020, trường được công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2020-2025.
- f) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Đạt KĐCL cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

2.2. Kế hoạch và kết quả hoạt động nhà trường

2.2.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng,

chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan: Năm học 2025 – 2025 nhà trường dự kiến tuyển sinh 450 học sinh. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh Tiểu học sinh năm 2014 đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

Tuyển sinh trực tuyến: Từ 07/7/2025 đến hết ngày 09/7/2025. Tuyển sinh trực tiếp: Từ ngày 12/7/2025 đến hết ngày 18/7/2025.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục: Nhà trường thực hiện theo kế hoạch năm học đã được phòng GD&ĐT quận Đống Đa phê duyệt ngày 15/9/2024.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: theo quy chế phối hợp giữa nhà trường và BDD cha mẹ học sinh.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục: Theo chương trình GDPT 2018.

2.2.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

KHỐI	SỐ LỚP	SỐ HS	HS NỮ	HỌC SINH ĐIỆN CHÍNH SÁCH		HS KHUYẾT TẬT	HS DÂN TỘC THIỂU SỐ
				TB/LS	HS NHÀ NUÔI HỮU NGHỊ		
6	9	371	162	1	3	2	3
7	10	476	218	7	5	3	3
8	9	387	188	1	4	1	1
9	8	332	167	3	4	1	0
Tổng	36	1566	735	12	16	7	7

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Khối lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
6	62,33%	26,29%	11,38%	0%
7	58,16%	29,29%	12,55%	0%
8	61,51%	25,90%	12,59%	0%
9	52,41%	34,94%	12,65%	0%

